TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ GẠO** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 197/2018/HN-ST;
Ngày: 02/5/2018.
V/v "Xin ly hôn".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Võ Thị Kim Loan**;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Phúc Viễn;**

2. Bà **Võ Ngọc Phương**;

- Thư ký phiên tòa: Bà **Võ Thị Xuân**, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo.

Trong ngày 02 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 24/2018/TLST-HNGĐ ngày16 tháng 01 năm 2018 về việc "Xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2018/QĐST-HNGĐ ngày 16/3/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 54/2018/QĐST-HNGĐ ngày 05/4/2018 của Toà án nhân dân huyện Chợ Gạo, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **TRẦN THỊ NGỌC Q** - sinh năm 1976.

Địa chỉ: ấp T, xã X, huyện C, tỉnh Tiền Giang;

2. Bị đơn: **TỐNG BỬU C** - sinh năm 1975.

Địa chỉ: ấp T, xã X, huyện C, tỉnh Tiền Giang;

(Chị Q và anh C có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn xin ly hôn và các lời trình bày tại tòa nguyên đơn chị Trần Thị Ngọc Q trình bày:*

Chị và anh Tống Bửu C cưới nhau vào năm 1994, do tự nguyện nhưng không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2007 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ

chồng thường xuyên gây gỗ, anh C rất vũ phu thường xuyên dùng dao hâm dọa chị, anh C không lo làm ăn, thường xuyên dùng những lời lẽ xúc phạm chị và gia đình chị nên chị và anh C đã sống ly thân từ đầu năm 2017 cho đến nay. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không thể trở lại chung sống được nữa nên chị xin được ly hôn.

Về con chung: Có 01 con tên Tống Bửu Qui – sinh năm 1995, cháu Qui đã trưởng thành chị không yêu cầu giải quyết về con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

** Tại biên bản hòa giải bị đơn anh Tống Bửu C*:

Anh thống nhất với lời trình bày của chị Q về thời gian và địa điểm kết hôn, còn quá trình chung sống thì vào đầu năm 2017 do vợ đi nuôi bệnh cha vợ không về nhà nữa rồi sau đó nộp đơn ly hôn với anh. Nay chị Q yêu cầu ly hôn thì anh cũng đồng ý ly hôn với chị Q.

Về con chung: Có 01 con tên Tống Bửu Qui – sinh năm 1995, cháu Qui đã trưởng thành anh không yêu cầu giải quyết về con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn và bị đơn tại phiên tòa. Hội đồng xét xử xác định quan hệ đang tranh chấp là "Xin ly hôn".

Đối với yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị Ngọc Q, Hội đồng xét xử xét thấy: Chị Trần Thị Ngọc Q và anh Tống Bửu C cưới nhau năm 1994, do tự nguyện nhưng không có đăng ký kết hôn là vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân gia đình vì chị Q và anh C có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân gia đình chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ chồng. Do vậy, Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Q và anh C là phù hợp với khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân gia đình.

Về con chung: Cháu Tống Bửu Qui – sinh năm 1995 đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung: Chị Q và anh C khai không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, nếu sau này có tranh chấp Tòa án sẽ thụ lý giải quyết bằng vụ kiện khác.

Về nợ chung: Chị Q và anh C khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Chị Trần Thị Ngọc Q phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 14, Điều 51, khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân gia đình.

- Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Trần Thị Ngọc Q và anh Tống Bửu C.

Về án phí: Chị Trần Thị Ngọc Q phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà chị đã tạm nộp theo biên lai số 36202 ngày 16/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, do vậy chị Q đã nộp xong án phí.

Báo nguyên đơn và bị đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân tỉnh
- VKSND huyện C;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- THADS huyện C;
- Các đương sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Võ Thị Kim Loan